

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: BỘT SẮT (IRON POWDER)

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Bột Sắt (Iron Powder)
- Mã CAS:** 7439-89-6
- Tên khác:** Sắt kim loại dạng bột
- Sử dụng đã định:** Hóa chất phòng thí nghiệm, sản xuất hợp kim, chất xúc tác
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi

Mã số thuế: 0314051291

Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - GHS07: Dấu chấm than
  - Skin Sens. 1A (H317): Có thể gây dị ứng da
  - STOT SE 3 (H335): Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
  - H317: Có thể gây dị ứng da
  - H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- Câu phòng ngừa:**
  - P280: Mang găng tay/bảo hộ mắt/quần áo bảo hộ
  - P302+P352: Nếu dính vào da: Rửa bằng nhiều nước
  - P304+P340: Nếu hít phải: Đưa đến nơi thoáng khí
  - P312: Gọi bác sĩ nếu thấy không khỏe
  - P362+P364: Cởi bỏ và giặt sạch quần áo nhiễm bẩn

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Sắt kim loại (Iron)
- Mã CAS:** 7439-89-6
- Tỷ lệ:** >95%
- Phân loại:** H317, H335

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần.
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng xà phòng và nước.
- Tiếp xúc mắt:** Rửa bằng nước sạch trong 15 phút.
- Nuốt phải:** Súc miệng bằng nước, không gây nôn, tham khảo bác sĩ.
- Triệu chứng:** Kích ứng da, mắt, họng, thất ngực nếu hít phải.

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy:** CO<sub>2</sub>, bột khô, bọt, nước phun sương.
- Nguy cơ cháy nổ:** Có thể phát sinh khói độc khi cháy.

- **Bảo hộ khi chữa cháy:** Trang bị mặt nạ thở độc lập và quần áo bảo hộ toàn thân.
- 

#### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh hít bụi, sử dụng bảo hộ cá nhân đầy đủ.
  - **Biện pháp môi trường:** Tránh để hóa chất rơi xuống cống, nguồn nước.
  - **Phương pháp làm sạch:** Dùng chổi, máy hút bụi công nghiệp thu gom, rửa sạch khu vực.
- 

#### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng an toàn:** Tránh tạo bụi, dùng trong khu vực thông gió tốt.
  - **Bảo quản:** Nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp và xa chất oxy hóa mạnh.
  - **Không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, axit mạnh.
- 

#### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Không có giới hạn phơi nhiễm cụ thể tại Việt Nam.**
  - **Trang bị bảo hộ:**
    - Hô hấp: Mặt nạ lọc bụi
    - Tay: Găng tay nitrile
    - Mắt: Kính an toàn
    - Da: Quần áo bảo hộ
- 

#### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Dạng bột
  - **Màu sắc:** Xám nhạt
  - **Mùi:** Không mùi
  - **Nhiệt độ nóng chảy:** 1538°C
  - **Nhiệt độ sôi:** 2861°C
  - **Độ tan:** Không tan trong nước
- 

#### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường.
  - **Điều kiện tránh:** Nhiệt độ cao.
  - **Chất không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, axit mạnh.
  - **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Khí độc (oxit sắt).
- 

#### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, đường uống):** 7500 mg/kg
  - **Tác động:** Có thể gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp khi tiếp xúc lâu dài.
- 

#### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** LC50 (96h, cá) = 13.6 mg/l
  - **Khả năng phân hủy:** Có thể phân hủy sinh học
  - **Tích lũy sinh học:** Không đáng kể
  - **Ảnh hưởng môi trường:** Thấp nếu xử lý đúng quy cách
- 

#### MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Xử lý chất thải:** Tuân thủ quy định về chất thải nguy hại của địa phương
  - **Xử lý bao bì:** Rửa sạch, tái chế hoặc xử lý như chất thải nguy hại
- 

#### MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Không phân loại là hàng nguy hiểm** theo ADR, IMDG, IATA.
-

## **MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

- **Tuân thủ pháp luật:** Thông tư 04/2012/TT-BCT và GHS
  - **Không thuộc danh mục hóa chất cấm/hạn chế tại Việt Nam**
- 

## **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày biên soạn:** 26/11/2025
- **Nguồn dữ liệu:** Tài liệu SDS quốc tế và TCVN 8402:2010
- **Khuyến cáo:** Người sử dụng phải đọc kỹ hướng dẫn và sử dụng theo đúng mục đích
- **Ghi chú:**

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế